MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC TIỄN CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU TÂM
Trường Đại học Nha Trang

Nhận bài ngày 09/4/2025. Sửa chữa xong 14/4/2025. Duyệt đăng 05/5/2025.

Abstract

The process of industrialization and modernization in Vietnam has become increasingly dynamic, achieving significant progress toward the goal of building a modern industrial base and joining the ranks of high-income countries. Grounded in Marxist theory and adapted to Vietnam's historical conditions, this process reflects both ideological foundations and practical flexibility. Despite facing various difficulties and challenges, the strong political will and leadership across the system through experience-driven governance and development policies have positioned Vietnam with promising prospects for advancing its industrialization and modernization agenda.

Keywords: *Industrialization, modernization, industrial development, Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) là quy luật khách quan, là vấn đề mang tính toàn cầu, đòi hỏi tất cả các quốc gia trên thế giới phải quan tâm nghiên cứu và xây dựng chiến lược để phát triển, từ đó thúc đẩy nền kinh tế đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Thực tế cho thấy chúng ta đã nhận định vai trò của CNH, HĐH và tập trung đầu tư cho mục tiêu phát triển đất nước theo hướng công nghiệp, hiện đại kể từ sau quá trình đổi mới năm 1986. Tới nay, dựa vào nền tảng lý luận đúng đắn khoa học và tiến trình lãnh đạo, thực hiện CNH, HĐH quyết liệt, mạnh mẽ đã giúp Việt Nam gặt hái được nhiều thành tựu, đưa nước ta từ một nước kém phát triển lên nhóm quốc gia có thu nhập trung bình và có vị thế trên trường quốc tế. Tuy nhiên, quá trình này hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn, giai đoạn đến năm 2020 chưa trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại như mục tiêu đã đề ra. Do đó cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng các giải pháp một cách linh hoạt, sáng tạo trên cơ sở lý luận, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn thể hệ thống chính trị và nhân dân Việt Nam trong giai đoạn mới. Theo đó, Việt Nam sẽ trở thành nước công nghiệp có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, có hệ thống quốc phòng, an ninh vững chắc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin, hệ tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng lý luận quan trọng giúp chúng ta nhận thức, đánh giá tầm quan trọng và vận dụng sáng tạo để phát triển CNH, HĐH. Quá trình CNH, HĐH là quy luật khách quan của sự tồn tại và phát triển xã hội hiện nay trên toàn thế giới, đặc biệt là Việt Nam khi đã bước sang kỷ nguyên mở cửa, hội nhập sâu rộng và vươn mình. Đúng như C.Mác đã chỉ ra rằng, xã hội loài người phát triển trải qua nhiều giai đoạn của sự phát triển, đó là sự vận động theo

Email: tamnh@ntu.edu.vn

hướng tiến lên của các hình thái kinh tế - xã hội, là sự thay thế hình thái kinh tế này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn mà gốc rễ sâu xa của nó là sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất. Việt Nam đang trên đà tiến lên xây dựng xã hội cộng sản mà giai đoạn đầu là XHCN, chúng ta cần có một lực lượng sản xuất phát triển cao, cấu thành nền tảng vật chất của xã hội mới, tiến bộ hơn. Đẩy mạnh CNH, HĐH là yêu cầu tất yếu của lịch sử, một đất nước muốn tiến lên CNXH cần phải có nền sản xuất phát triển với trình độ công nghiệp hiện đại. Nghiên cứu về hình thái kinh tế - xã hội tư bản, Mác chỉ ra phát triển sản xuất hàng hóa, tạo ra giá trị thặng dư và tiếp tục đẩy mạnh quá trình tích lũy của giá trị thặng dư thông qua lao động, đầu tư sản xuất làm kinh tế tư bản ngày càng phình to. Như vậy, cơ chế tận dụng sức lao động, tăng tích lũy, tăng đầu tư vốn, thay đổi kết cấu kỹ thuật của sản xuất là cơ sở của sự tăng trưởng. Giai đoạn CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam không nằm ngoài tính quy luật đó. Chúng ta đã chuyển từ nền kinh tế sản xuất giản đơn, không có tích lũy, chủ yếu là nông nghiệp thủ công, lạc hậu sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa có quy mô, có tích lũy. Gạt bỏ đi bản chất bóc lột tư bản trong quá trình sản xuất thì sự nghiệp phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng hiện đại ở Việt Nam đã được vận dụng theo quy luật phát triển của phương thức sản xuất mà học thuyết Mác xít đã nêu ra. Chủ nghĩa Mác cũng chỉ ra vai trò của giai cấp công nhân và thành phần kinh tế Nhà nước trong CNH, HĐH. Mác và Ăngghen nhấn mạnh vai trò giai cấp công nhân trong CNH, vì họ là lực lượng lao động chủ yếu trong nền sản xuất lớn. Lênin phát triển quan điểm về vai trò của Nhà nước trong CNH, đặc biệt là đối với các nước đi lên từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Theo đó, Nhà nước cần đóng vai trò định hướng, đầu tư và tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy CNH. Mác cũng đã chỉ ra mô hình CNH, HĐH có tính quy luật của sự phát triển, làm nền tảng lý luận để Việt Nam nghiên cứu, vận dụng, hoạch định chiến lược cho đầu tư nguồn nhân lực và máy móc, công nghệ trong các ngành. Lênin từng nhấn mạnh điện khí hóa là yếu tố quan trọng nhất của CNH: "Việc đặt nền móng cho sự thực hiện kế hoạch điện khí hóa vĩ đại là cái sẽ cho phép chúng ta khôi phục nền đại công nghiệp và ngành vận tải trên một quy mô và một cơ sở kỹ thuật khiến có thể hoàn toàn và vĩnh viễn chiến thắng nạn đói kém, cảnh nghèo cùng [1, tr. 266]. Điện khí hóa là công nghệ hiện đại nhất những năm đầu thế kỷ XX, tư tưởng về CNH trên nền tảng điện khí hóa của V.I.Lê-nin gắn kết chặt chẽ CNH và HĐH. Ngày nay, điều này có thể mở rộng ra các lĩnh vực như tự động hóa, chuyển đổi số và công nghệ cao. Chủ nghĩa Mác cũng chỉ ra rằng CNH không thể tách rời khỏi việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển khoa học - công nghệ.

Kế thừa và vận dụng chủ nghĩa Mác vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có những tư tưởng và chỉ đạo quan trọng về phát triển kinh tế, đặc biệt là trong CNH, HĐH và nhấn mạnh yếu tố tự lực, tự cường trong phát triển kinh tế bền vững. Hồ Chí Minh khẳng định tầm quan trọng của tính độc lập, tự lực, tự cường trong xây dựng đất nước, tránh phụ thuộc vào ngoại bang. Đồng thời CNH, HĐH ở Việt Nam phải xuất phát từ điều kiện thực tế của đất nước, tận dụng nội lực vốn có để phát triển. Người cũng đề cao vai trò của khoa học - kỹ thuật và cho rằng muốn có công nghiệp, phải có kỹ thuật. Muốn có kỹ thuật, phải có học tập. Người nói: "Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ XHCN, văn hóa, khoa học - kĩ thuật, lao động và sản xuất" [2, tr. 647]. Như vậy, Người đặc biệt quan tâm tới chất lượng của nguồn nhân lực và sự cần thiết của việc đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng lao động ở Việt Nam để phục vụ CNH.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đưa ra quan điểm nền tảng về kết hợp giữa công nghiệp và nông nghiệp trong quá trình phát triển CNH đất nước. Đây là cơ sở nền tảng lý luận giúp Đảng, Nhà nước ta xây dựng chiến lược, mục tiêu CNH, HĐH bền vững. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng CNH không chỉ tập trung vào công nghiệp nặng mà còn phải phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, giúp cải thiện đời sống nhân dân. Quan điểm này vẫn rất phù hợp với Việt Nam khi cần kết hợp phát triển nông nghiệp công nghệ cao cùng với công nghiệp chế biến và sản xuất hiện đại.

2.2. Vận dụng vào thực tiễn công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

2.2.1. Những thành tựu đã đạt được

a. Định hướng đầu tư phát triển CNH, HĐH theo quy luật của sự phát triển

Giai đoạn trước đổi mới (trước 1986), Việt Nam thực hiện CNH theo mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với sự trợ giúp của các nước XHCN. Mô hình này đã bộc lộ tính thiếu hiệu quả, nền kinh tế phát triển chậm, chưa có sự gắn kết giữa công nghiệp và nông nghiệp, cơ chế quan liêu bao cấp kìm hãm sự sáng tạo và năng suất lao động. Bước sang giai đoạn sau Đổi mới từ 1986 đến nay, Đảng Nhà nước ta đã nghiêm túc nhìn nhận và rút kinh nghiệm, vận dụng cơ sở lý luận phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội đất nước trong chiến lược đầu tư, phát triển lực lượng sản xuất. Chúng ta đã nhận định quy luật của sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, muốn có một quan hệ sản xuất XHCN cần tạo ra một lực lượng sản xuất XHCN với một nền sản xuất ở trình độ cao, tạo ra năng suất cao, hiệu quả cao và tạo ra giá trị, của cải. Chúng ta đã thay đổi tư duy và chủ trương, đường lối CNH, HĐH: Đảng chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, mở cửa hội nhập với thế giới và thu hút đầu tư nước ngoài. Có thể nói, từ khi thực hiện đổi mới, Việt Nam đã đưa ra quan điểm chiến lược, triển khai nhiều chính sách và chiến lược nhằm thúc đẩy CNH, HĐH phù hợp với quy luật và phát triển theo hướng bền vững và hiệu quả.

b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, thu hút đầu tư nước ngoài

Tỷ trọng nông nghiệp giảm, công nghiệp và dịch vụ tăng lên: Từ năm 1990 đến nay, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP ngày càng tăng, trong khi nông nghiệp giảm dần. Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất: Nhà nước khuyến khích thành lập các khu công nghiệp tập trung để thu hút đầu tư, đặc biệt từ doanh nghiệp nước ngoài. Chú trọng công nghiệp công nghệ cao: Việt Nam tập trung vào các ngành như công nghệ thông tin, điện tử, chế tạo máy, logistics… Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp tư nhân và thu hút đầu tư nước ngoài. Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân: Luật Doanh nghiệp 1999, 2005 và 2020 tạo hành lang pháp lý thông thoáng, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào sản xuất công nghiệp. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn của các tập đoàn lớn như Samsung, Intel, LG, tạo động lực phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo.

c. Ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất

Chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0: Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp áp dụng tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) vào sản xuất để nâng cao năng suất. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D): Các doanh nghiệp trong nước như VinFast, Viettel đã đầu tư mạnh vào nghiên cứu công nghệ, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, phát huy tính độc lập, chủ động, giảm phụ thuộc vào nước ngoài theo đúng tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên con đường phát triển kinh tế đất nước. Kết quả đạt được giúp Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất quan trọng trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, dệt may, chế biến thực phẩm. Công nghiệp đóng góp ngày càng lớn vào GDP, tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động. Hạ tầng công nghiệp và giao thông phát triển mạnh với nhiều khu công nghiệp, cảng biển, sân bay hiện đại. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 giúp nâng cao năng suất và chất lượng sản xuất.

d. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Con người là trung tâm của sự phát triển, điều này đã được khẳng định trong học thuyết Mác xít được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta quán triệt thực hiện. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp CNH, HĐH. Đánh giá cao vấn đề này, Đảng Nhà nước ta rất quan tâm tới cải cách giáo dục và đào tạo nghề: Chính phủ đẩy mạnh đào tạo nghề, liên kết giữa doanh nghiệp và trường học để nâng cao tay nghề lao động. Thu hút nhân tài, khuyến khích đổi mới sáng tạo: Chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

e. Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững

Vận dụng sáng tạo, phù hợp chủ nghĩa Mác, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNH, HĐH vào thực tiễn Việt Nam, chúng ta đã nhấn mạnh tới yếu tố phát triển bền vững. Thực hiện tốt chủ trương này, giai đoạn vừa qua Việt Nam quan tâm phát triển công nghiệp xanh, công nghệ sạch: Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo, giảm ô nhiễm môi trường. Hạn chế phát triển công nghiệp gây ô nhiễm: Kiểm soát chặt chẽ các ngành công nghiệp có nguy cơ gây hại đến môi trường như khai thác khoáng sản, dệt nhuộm…

2.2.2. Thách thức của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Chất lượng CNH ở Việt Nam hiện nay chưa cao, phụ thuộc vào gia công, lắp ráp. Ngành công nghiệp của nước ta vẫn chủ yếu dựa vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), tập trung vào gia công, lắp ráp hơn là sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Các ngành công nghiệp chủ chốt như điện tử, dệt may, da giày chủ yếu thực hiện các công đoạn cuối cùng, trong khi nguyên liệu và linh kiện vẫn phải nhập khẩu. Ví dụ ngành Điện tử ở Việt Nam là một trong những trung tâm sản xuất lớn của Samsung nhưng hơn 80% linh kiện vẫn nhập khẩu từ nước ngoài. Các doanh nghiệp Việt Nam chỉ cung cấp được các sản phẩm phụ trợ như bao bì, nhựa đơn giản. Ngành Ô tô VinFast đã phát triển thành công ô tô điện nhưng vẫn phải nhập khẩu nhiều linh kiện quan trọng như động cơ, pin từ nước ngoài. Nguyên nhân do công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, thiếu các doanh nghiệp có khả năng sản xuất linh kiện, nguyên vật liệu nội địa. Công nghệ sản xuất chưa hiện đại, chưa có nhiều doanh nghiệp làm chủ công nghệ cốt lõi. Mặt khác, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước chưa đủ năng lực tài chính và công nghệ để tham gia chuỗi cung ứng. Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ còn chưa hiệu quả.

Việt Nam vẫn còn đang thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, kỹ năng lao động chưa đáp ứng yêu cầu. Hệ thống giáo dục và đào tạo nghề chưa theo kịp nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề cao còn thấp, phần lớn lao động làm việc trong công nghiệp là lao động phổ thông, thiếu kỹ năng về công nghệ cao, tự động hóa. Trong ngành Công nghệ thông tin (IT): Các tập đoàn như Samsung, Intel, LG vẫn gặp khó khăn trong tuyển dụng kỹ sư giỏi, dẫn đến việc phải thuê nhân lực từ nước ngoài. Trong ngành Cơ khí, chế tạo: Các doanh nghiệp FDI như Toyota, Honda gặp khó trong việc tìm kiếm nhân lực có trình độ kỹ thuật cao để vận hành máy móc hiện đại. Chương trình đào tạo nghề chưa sát với thực tế sản xuất, thiếu sự liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Lao động Việt Nam chưa có nhiều cơ hội tiếp cận với các công nghệ sản xuất tiên tiến.

Ô nhiễm môi trường và phát triển công nghiệp chưa bền vững. Có thể thấy mặc dù được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo nhưng quá trình CNH, HĐH diễn ra nhanh chóng vẫn chưa đi đôi với bảo vệ môi trường, nhiều khu công nghiệp gây ô nhiễm nặng nề. Các cơ quan chức năng chưa kiểm soát tốt việc xử lý chất thải công nghiệp, đặc biệt là trong ngành Hóa chất, dệt nhuộm, khai thác khoáng sản. Điển hình như sự cố Formosa (Hà Tĩnh, 2016): Nhà máy thép Formosa xả thải trái phép ra biển, gây thảm họa môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng đến ngư dân miền Trung. Nhiều khu công nghiệp trên cả nước không có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn, làm ô nhiễm nguồn nước và đất canh tác xung quanh. Nguyên nhân là do chính sách bảo vệ môi trường chưa được thực thi nghiêm túc, doanh nghiệp còn chạy theo lợi nhuận, chưa chú trọng đầu tư vào công nghệ xanh, sạch. Bên cạnh đó, hạ tầng công nghiệp và logistics ở nước ta hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu. Hạ tầng giao thông, cảng biển, kho bãi còn hạn chế, làm tăng chi phí logistics, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhiều khu công nghiệp phát triển nhưng chưa có sự kết nối tốt với hệ thống đường cao tốc, cảng biển. Chi phí logistics ở Việt Nam cao hơn các nước trong khu vực: Theo World Bank, chi phí logistics ở Việt Nam chiếm khoảng 20% GDP, trong khi Thái Lan chỉ 14%, Trung Quốc 15%. Thực trạng tắc nghẽn cảng Cát Lái (TP. Hồ Chí Minh): Là cảng biển lớn nhất Việt Nam nhưng thường xuyên quá tải, gây chậm trễ trong xuất nhập khẩu hàng hóa. Việt Nam đầu tư vào hạ tầng

còn thiếu đồng bộ, thiếu liên kết giữa đường bộ, đường sắt và đường biển. Chính sách quy hoạch công nghiệp chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng mất cân đối giữa các khu vực. Ngoài ra, Việt Nam muốn thúc đẩy phát triển công nghiệp, kinh tế công nghiệp còn phải cạnh tranh gay gắt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Chúng ta tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), giúp mở rộng thị trường nhưng cũng đặt doanh nghiệp trong nước vào thế cạnh tranh khốc liệt với doanh nghiệp nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp Việt chưa đủ mạnh để cạnh tranh với các tập đoàn đa quốc gia. Doanh nghiệp Việt còn yếu về năng lực quản trị, thương hiệu, công nghệ. Thiếu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phát triển bền vững.

2.3. Giải pháp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn hiện nay

2.3.1. Phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa

Chúng ta cần tập trung xây dựng các chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn lớn như Samsung, LG, Toyota bằng cách hỗ trợ tài chính, công nghệ. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển sản xuất linh kiện, nguyên vật liệu thông qua ưu đãi thuế, tín dụng ưu đãi. Xây dựng các khu công nghiệp chuyên về công nghiệp hỗ trợ để tập trung phát triển linh kiện, phụ tùng, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu. Ví dụ như VinFast đã hợp tác với nhiều công ty Việt để tăng tỷ lệ nội địa hóa xe điện, như hợp tác với Vingroup sản xuất pin và linh kiện ô tô. Để làm tốt giải pháp này đòi hỏi Nhà nước cần quan tâm hỗ trợ vốn vay ưu đãi, giảm thuế cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA). Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng thương hiệu mạnh, nâng cao giá trị sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế.

2.3.2. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Cải cách giáo dục nghề nghiệp, liên kết giữa doanh nghiệp và trường học để đào tạo lao động theo nhu cầu thực tế của ngành công nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào đào tạo nhân sự thông qua chương trình thực tập, đào tạo nội bộ. Có chính sách tốt để thu hút nhân tài trong và ngoài nước, tạo điều kiện để chuyên gia nước ngoài và kiều bào đóng góp cho phát triển công nghiệp, tránh chảy máu chất xám. Điển hình như chiến lược hợp tác của FPT với nhiều trường đại học để đào tạo nhân lực ngành công nghệ thông tin và tự động hóa. Viettel có chương trình đào tạo kỹ sư công nghệ cao, giúp phát triển các sản phẩm viễn thông và công nghệ quân sự "Made in Vietnam".

2.3.3. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong công nghiệp

Chúng ta cần huy động các nguồn lực về cả cơ chế, chính sách, nguồn vốn, nhân lực… để hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ 4.0 như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), tự động hóa để nâng cao năng suất. Đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) để tạo ra công nghệ riêng, giảm phụ thuộc vào nước ngoài. Phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao. Mở rộng áp dụng robot và AI vào dây chuyền sản xuất giúp giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam như MISA, BKAV đã phát triển phần mềm quản lý doanh nghiệp và sản phẩm công nghệ cao phục vụ sản xuất.

2.3.4. Đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp và logistics hiện đại

Đây là một trong những giải pháp quan trọng giúp Việt Nam có cơ sở hạ tầng kết nối thông thoáng phục vụ phát triển kinh tế, kinh tế công nghiệp. Cần đầu tư phát triển hệ thống đường cao tốc, cảng biển, sân bay để giảm chi phí logistics, tăng khả năng kết nối vùng công nghiệp với thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường đầu tư vào kho bãi thông minh, cảng nước sâu để tối ưu hóa vận chuyển hàng hóa. Xây dựng các khu công nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ quản lý và vận hành hiện đại. Cần tiếp tục đầu tư mở rộng các cảng biển, giúp tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa công nghiệp ra ngoài khu vực bằng đường biển. Thu hút hơn nữa đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp có lợi thế áp dụng mô hình khu công nghiệp xanh, thông minh, hiện đại.

2.3.5. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường

Việt Nam giai đoạn tới cần thúc đẩy sản xuất sạch, sử dụng năng lượng tái tạo trong công nghiệp như điện mặt trời, điện gió. Yêu cầu các doanh nghiệp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Tăng cường kiểm soát các ngành công nghiệp gây ô nhiễm, yêu cầu áp dụng công nghệ xanh, sản xuất tuần hoàn. Khuyến khích nhà máy sử dụng 100% năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí CO_2, hay mô hình phát triển theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, tái sử dụng nước thải và chất thải rắn. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta cần nghiên cứu tranh thủ thời cơ để tận dụng cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế. Điển hình như tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại như CPTPP, EVFTA để thúc đẩy xuất khẩu công nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường hợp tác với các nước có nền công nghiệp phát triển, học hỏi kinh nghiệm và thu hút đầu tư. Thực tế có thể thấy, sau khi ký EVFTA, xuất khẩu dệt may sang châu Âu tăng mạnh, tạo cơ hội lớn cho ngành công nghiệp này. Việt Nam thu hút nhiều tập đoàn lớn như Apple, Google chuyển nhà máy sản xuất sang, nhờ tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại… Do đó trong bối cảnh hội nhập toàn cầu Việt Nam cần tiếp tục huy động và tận dụng hiệu quả các lợi thế cho sự nghiệp CNH, HĐH bền vững.

3. Kết luận

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình có tính quy luật, đây là nhiệm vụ trọng tâm của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Từ sau đổi mới tới nay, CNH, HĐH ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu giúp nước ta từ một nước nghèo, nông nghiệp lạc hậu trở thành nước đang phát triển. Tuy nhiên nhiều chỉ tiêu về CNH, HĐH giai đoạn đến năm 2020 chưa đạt được. Để thực hiện thành công CNH, HĐH dựa trên nền tảng cơ sở lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác và tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam hiện nay chúng ta cần tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp: phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao chất lượng lao động, ứng dụng công nghệ cao, cải thiện hạ tầng, bảo vệ môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa và tận dụng hội nhập quốc tế. Nếu nghiêm túc thực hiện có hiệu quả các giải pháp đề xuất, Việt Nam có thể trở thành quốc gia công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại như mục tiêu đã đề ra, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế, giúp Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế, tầm ảnh hưởng trong và ngoài khu vực.

Tài liệu tham khảo

[1] *V.I.Lê-nin Toàn tập* (tập 43, 2006), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[2] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 12, 2012), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1 và 2), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thanh (2002), *Phát triển nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6] Ban Chấp hành Trung ương (2020), *Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.